

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 03/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Diên Hy	Chủ tịch
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Yuichi Kato	Ủy viên
Ông Domingo Alonso	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Khoa Diệu Uyên	Giám đốc Nhân sự	Bổ nhiệm ngày 30/09/2016
Bà Đặng Thị Hương	Giám đốc Tài chính	
Ông Phan Thanh Toàn	Giám đốc Công nghệ	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Hồng	Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng năm 2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 08 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017



Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1942-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		585.203.424.135	684.573.174.909
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	134.088.754.142	288.163.740.092
111	1. Tiền		39.088.754.142	63.163.740.092
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.000.000.000	225.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	202.371.000.000	173.063.616.667
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		202.371.000.000	173.063.616.667
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		240.888.991.133	216.962.172.009
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	228.900.064.920	208.674.663.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.288.749.069	1.752.484.602
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.700.177.144	6.535.023.922
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.854.678.860	6.383.646.141
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	7.854.678.860	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	-	6.383.646.141
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		175.659.216.534	128.894.475.249
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.619.629.804	1.619.629.804
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.619.629.804	1.619.629.804
220	II. Tài sản cố định		32.307.101.802	37.246.380.613
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	28.352.501.802	33.291.780.613
222	- Nguyên giá		54.950.942.568	55.599.262.043
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.598.440.766)	(22.307.481.430)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.954.600.000	3.954.600.000
228	- Nguyên giá		7.626.933.000	7.626.933.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.672.333.000)	(3.672.333.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	139.958.000.000	85.888.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		133.870.000.000	49.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		35.438.000.000	35.438.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.000.000.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.774.484.928	4.140.464.832
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.774.484.928	4.140.464.832
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		760.862.640.669	813.467.650.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		187.690.332.120	216.337.492.679
310	I. Nợ ngắn hạn		187.333.336.220	215.783.893.299
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.813.006.987	142.317.255.516
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.558.409.542	1.711.901.101
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.996.884.241	13.796.682.528
314	4. Phải trả người lao động		6.387.533.186	5.190.330.333
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	15.476.227.939	25.155.814.837
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.709.027.564
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	60.590.222.003	10.344.544.229
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	60.000.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.511.052.322	15.558.337.191
330	II. Nợ dài hạn		356.995.900	553.599.380
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	356.995.900	553.599.380
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		573.172.308.549	597.130.157.479
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	573.172.308.549	597.130.157.479
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		128.265.938.290	152.223.787.220
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		71.017.759.708	93.769.393.607
421b	LNST chưa phân phối năm nay		57.248.178.582	58.454.393.613
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		760.862.640.669	813.467.650.158

Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập

Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	2.906.569.806.119	1.705.479.591.144
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.906.569.806.119	1.705.479.591.144
11	4. Giá vốn hàng bán	19	2.820.950.335.339	1.620.276.108.076
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.619.470.780	85.203.483.068
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	29.250.269.203	15.875.101.313
22	7. Chi phí tài chính	21	30.163.246.009	14.673.218
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		163.246.009	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	15.584.620.127	13.216.238.214
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.121.873.847	87.847.672.949
31	11. Thu nhập khác	23	554.507.121	1.324.762
32	12. Chi phí khác		3.196	-
40	13. Lợi nhuận khác		554.503.925	1.324.762
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.676.377.772	87.848.997.711
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	12.428.199.190	19.326.238.543
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		57.248.178.582	68.522.759.168

Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập

Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		69.676.377.772	87.848.997.711
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.349.655.510	3.708.139.448
03	- Các khoản dự phòng		30.000.000.000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.840.697)	(2.458.877)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.743.609.378)	(15.872.642.436)
06	- Chi phí lãi vay		163.246.009	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.437.829.216	75.682.035.846
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.543.172.983)	(98.550.473.396)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(76.555.942.326)	97.141.198.683
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.971.659.289)	4.798.078.532
14	- Tiền lãi vay đã trả		(119.329.342)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.722.837.721)	(21.424.481.807)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.214.352.048)	(7.969.206.582)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(46.689.464.493)	49.677.151.276
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.256.675.636)	(11.302.700.601)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.384.904.590	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(308.345.138.889)	(142.673.616.667)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		279.037.755.556	101.518.811.111
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(84.070.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	66.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.205.003.725	15.872.642.436
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(86.044.150.654)	29.415.136.279
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		285.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(225.000.000.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(81.349.211.500)	(50.874.845.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.349.211.500)	(50.874.845.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(154.082.826.647)	28.217.442.555
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		288.163.740.092	259.943.838.660
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.840.697	2.458.877
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>134.088.754.142</u>	<u>288.163.740.092</u>

Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập

Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 03/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.930.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 203.930.000.000 đồng; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ truyền thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cổng thông tin (không hoạt động báo chí);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);
- Dịch vụ nghiên cứu thị trường.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Doanh thu và giá vốn trong năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015 chủ yếu do sự tăng trưởng của dịch vụ giá trị gia tăng thông qua phương tiện thanh toán trực tuyến. Dịch vụ này có sự tăng mạnh do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Thị trường game online phát triển mạnh với sự ra đời của nhiều game mới, thu hút nhiều người chơi, dẫn tới nhu cầu nạp tiền chơi game gia tăng;
- Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (công ty đối tác lớn của VMG) có chính sách cạnh tranh lành mạnh và hấp dẫn hơn, thu hút được thêm lượng lớn khách hàng mới sử dụng dịch vụ này.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;



- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	1,5 - 03	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 04	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	
- Phần mềm máy tính	1,5 - 03	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay phát sinh trong năm là các khoản thấu chi ngân hàng.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận. Công ty phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	503.836.768	195.561.413
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.584.917.374	62.968.178.679
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	225.000.000.000
	134.088.754.142	288.163.740.092

(*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng, có giá trị từ 10.000.000.000 đến 50.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,2%/năm.

Tại 31/12/2016 các khoản tương đương tiền có tổng giá trị 70.000.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản thấu chi ngân hàng theo hợp đồng số 02/2016-HĐTD-HMTC NHCT146-VMG (chi tiết thuyết minh 11.)

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	202.371.000.000	202.371.000.000	173.063.616.667	173.063.616.667
	202.371.000.000	202.371.000.000	173.063.616.667	173.063.616.667

Tại ngày 31/12/2016, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, có giá trị từ 50.000.000 VND đến 50.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

Tại 31/12/2016 các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có tổng giá trị 80.000.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản thấu chi ngân hàng theo hợp đồng số 02/2016-HĐTD-HMTC NHCT146-VMG (chi tiết thuyết minh 11.)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	133.870.000.000	-	49.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT	74.700.000.000	-	49.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	50.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	8.670.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	35.438.000.000	30.000.000.000	35.438.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	5.438.000.000	-	5.438.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	650.000.000	-	650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	-	650.000.000	-
	169.958.000.000	30.000.000.000	85.888.000.000	-

(*): Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của VMG) đã ban hành Quyết định giải thể Công ty với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng và triển vọng phục hồi. Số vốn đầu tư của VMG vào Công ty Lingo tại thời điểm 31/12/2016 là 30.000.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Lingo bằng 100% giá gốc khoản đầu tư, số tiền: 30.000.000.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	62,25%	62,25%	Dịch vụ thanh toán điện tử
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,50%	50,50%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ truyền thông

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con

- Tháng 5/2016, Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT, số tiền 24.900.000.000 đồng tương ứng 2.490.000 cổ phần. Sau khi mua số cổ phần này thì tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Thanh toán VNPT vẫn là 62,25%, không thay đổi so với đầu năm.

- Tháng 3/2016, Công ty cùng với hai nhà đầu tư khác góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ OCG, số tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG góp: 50.500.000.000 đồng tương ứng với 5.050.000 cổ phần. Sau khi góp vốn thì tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ OCG là 50,5%.

- Tháng 9 năm 2016, Công ty mua 51.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia (Imedia), số tiền: 6.120.000.000 đồng. Sau khi mua số cổ phần này tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia đạt 51%.

Cũng trong tháng 9, Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia, số tiền 2.550.000.000 đồng tương ứng 255.000 cổ phần. Sau khi mua số cổ phần này thì tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia vẫn là 51%, không thay đổi so với thời điểm mua lần đầu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	25,60%	25,60%	Dịch vụ truyền thông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20%	20%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty
Đầu tư dài hạn khác				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamNet)	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	39.683.951.129	118.658.367.479
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản Mobifone - Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông MobiFone	75.818.783.700	10.310.082.900
Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	50.105.406.931	7.365.155.124
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi Nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	5.186.946.259	29.264.369.161
Phải thu của khách hàng khác	58.104.976.901	43.076.688.821
	228.900.064.920	208.674.663.485
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	1.770.065.311	1.255.111.955

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sky Music	529.202.012	-	177.270.451	-
Công ty CP Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du	2.019.000.000	-	-	-
Trả trước người bán khác	1.740.547.057	-	1.575.214.151	-
	4.288.749.069	-	1.752.484.602	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về BHXH	4.127.500	-	10.923.857	-
Tạm ứng	7.541.371.422	-	6.433.402.790	-
Phải thu khác	154.678.222	-	90.697.275	-
	7.700.177.144	-	6.535.023.922	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.619.629.804	-	1.619.629.804	-
	1.619.629.804	-	1.619.629.804	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	26.182.883.143	25.379.238.900	4.037.140.000	55.599.262.043
- Mua trong năm	-	4.228.992.000	1.027.683.636	5.256.675.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.066.955.111)	(838.040.000)	(5.904.995.111)
Số dư cuối năm	26.182.883.143	24.541.275.789	4.226.783.636	54.950.942.568
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.691.018.546	17.405.179.165	2.211.283.719	22.307.481.430
- Khấu hao trong năm	1.047.315.326	5.411.388.874	890.951.310	7.349.655.510
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.463.207.177)	(595.488.997)	(3.058.696.174)
Số dư cuối năm	3.738.333.872	20.353.360.862	2.506.746.032	26.598.440.766
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	23.491.864.597	7.974.059.735	1.825.856.281	33.291.780.613
Tại ngày cuối năm	22.444.549.271	4.187.914.927	1.720.037.604	28.352.501.802

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.333.851.208 đồng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.954.600.000	3.672.333.000	7.626.933.000
Số dư cuối năm	<u>3.954.600.000</u>	<u>3.672.333.000</u>	<u>7.626.933.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	3.672.333.000	3.672.333.000
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>3.672.333.000</u>	<u>3.672.333.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.954.600.000	-	3.954.600.000
Tại ngày cuối năm	<u>3.954.600.000</u>	<u>-</u>	<u>3.954.600.000</u>

(*): Là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ: 96-98 đường Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là: 252,8 m² với mục đích sử dụng là làm văn phòng và cho thuê.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.672.333.000 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước của dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng trên mạng di động Vinaphone và Mobifone	7.854.678.860	-
	<u>7.854.678.860</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng trả trước	1.774.484.928	4.140.464.832
	<u>1.774.484.928</u>	<u>4.140.464.832</u>

11. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	285.000.000.000	225.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
	-	-	285.000.000.000	225.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Tại thời điểm 31/12/2016, khoản vay ngắn hạn hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội là khoản thấu chi theo Hợp đồng số 02/2016-HĐTD-HMTD-HMTC NHCT146-VMG, thời hạn thanh toán nợ thấu chi không quá 1 tháng, lãi suất vay được xác định căn cứ vào mức dư nợ vay thấu chi như sau:

Mức dư nợ vay (VND)	Lãi suất	Giá trị (VND)
Từ 0 đồng đến 10.000.000.000 đồng	4,5%/năm	10.000.000.000
Từ 10.000.000.000 đồng đến 60.000.000.000 đồng	4,8%/năm	50.000.000.000

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này, bao gồm:

Hợp đồng	Số dư tại 31/12/2016 (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày gửi	Ngày đáo hạn
Hợp đồng 146/2016/12/095/HDTG	20.000.000.000	5,7%/năm	6 tháng	06/12/2016	06/06/2017
Hợp đồng 146/2016/12/100/HDTG	20.000.000.000	5,7%/năm	6 tháng	12/12/2016	12/06/2017
Hợp đồng 146/2016/08/068/HDTG	40.000.000.000	6,3%/năm	6 tháng	09/08/2016	09/02/2017
Hợp đồng 146/2016/12/097/HDTG	10.000.000.000	5,2%/năm	3 tháng	07/12/2016	07/03/2017
Hợp đồng 146/2016/12/096/HDTG	10.000.000.000	4,5%/năm	1 tháng	07/12/2016	07/01/2017
Hợp đồng 146/2016/12/106/HDTG	50.000.000.000	4,8%/năm	1 tháng	26/12/2016	26/01/2017
Cộng	150.000.000.000				

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có dư lớn				
Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT	4.893.027.146	4.893.027.146	120.446.306.557	120.446.306.557
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Ba Đình	3.226.044.766	3.226.044.766	3.128.265.966	3.128.265.966
Phải trả các đối tượng khác	9.693.935.075	9.693.935.075	18.742.682.993	18.742.682.993
Phải trả người bán là các bên liên quan	17.813.006.987	17.813.006.987	142.317.255.516	142.317.255.516
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)				
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	5.343.674.035	5.343.674.035	122.147.465.133	122.147.465.133



13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	15.922.709.084	9.053.704.417	-	6.869.004.667				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.824.238.543	12.428.199.190	20.722.837.721	-	4.529.600.012				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	906.927.124	4.653.357.205	4.081.874.643	-	1.478.409.686				
Các loại thuế khác	-	65.516.861	1.409.783.050	1.355.430.035	-	119.869.876				
	-	13.796.682.528	34.414.048.529	35.213.846.816	-	12.996.884.241				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	43.916.667	-
- Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS	9.910.512.483	18.840.717.855
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả EPAY</i>	<i>1.743.615</i>	<i>9.787.763.950</i>
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông</i>	<i>1.117.636.048</i>	<i>278.614.932</i>
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả Marvel Media Sdn Bhd</i>	<i>2.380.412.083</i>	<i>2.235.634.638</i>
<i>Trích trước chi phí dịch vụ phải trả đối tượng khác</i>	<i>6.410.720.737</i>	<i>6.538.704.335</i>
- Trích trước phí bản quyền	1.013.197.750	982.887.700
- Chi phí phải trả khác	4.508.601.039	5.332.209.282
	15.476.227.939	25.155.814.837

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.799.344.311	3.356.360.311
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.200.404.000	2.959.082.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.052.006.250	845.217.750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	538.467.442	3.183.883.368
	60.590.222.003	10.344.544.229
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	356.995.900	553.599.380
	356.995.900	553.599.380

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	144.920.543.441	589.826.913.700
Lãi trong năm trước	-	-		-	-	68.522.759.168	68.522.759.168
Chia cổ tức	-	-		-	-	(50.972.500.000)	(50.972.500.000)
Giảm khác	-	-		-	-	(10.247.015.389)	(10.247.015.389)
Số dư cuối năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	152.223.787.220	597.130.157.479
Số dư đầu năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	152.223.787.220	597.130.157.479
Lãi trong năm nay	-	-		-	-	57.248.178.582	57.248.178.582
Tặng khác (2)	-	-		-	-	349.972.488	349.972.488
Chia cổ tức (1)	-	-		-	-	(81.556.000.000)	(81.556.000.000)
Số dư cuối năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000		(111.200.000)	1.723.420.259	128.265.938.290	573.172.308.549

(1) Năm 2016, Công ty thực hiện chia cổ tức của năm 2015 bằng tiền cho cổ đông: 4.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27/04/2016.

(2) Chi tiết tặng khác là các khoản điều chỉnh vào lợi nhuận chưa phân phối lũy kế.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	57.720.000.000	28,30%	57.720.000.000	28,30%	28,30%
NTT DOCOMO Inc	49.999.980.000	24,52%	49.999.980.000	24,52%	24,52%
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	45.000.000.000	22,07%	45.000.000.000	22,07%	22,07%
Các đối tượng khác	51.210.020.000	25,11%	51.210.020.000	25,11%	25,11%
	203.930.000.000	100%	203.930.000.000	100%	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối năm	203.930.000.000	203.930.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	203.930.000.000	203.930.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	81.556.000.000	50.972.500.000
	81.556.000.000	50.972.500.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.000	4.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000	4.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.389.000	20.389.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.389.000	20.389.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.723.420.259	1.723.420.259
	1.723.420.259	1.723.420.259

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Loại ngoại tệ		
- USD	14.552,49	3.678,86
- EUR	162,01	172,93

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.906.569.806.119	1.705.479.591.144
	2.906.569.806.119	1.705.479.591.144
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	7.673.458.199	6.890.270.716

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.820.950.335.339	1.620.276.108.076
	2.820.950.335.339	1.620.276.108.076

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.675.003.725	15.872.642.436
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.530.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	37.424.781	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	7.840.697	2.458.877
	29.250.269.203	15.875.101.313

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	163.246.009	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	14.673.218
Dự phòng tổn thất đầu tư (*)	30.000.000.000	-
	30.163.246.009	14.673.218

(*) Là khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (xem thêm thuyết minh số 4).

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.373.415	320.609.365
Chi phí nhân công	10.155.070.835	9.727.078.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.079.773	164.542.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.106.445.506	1.569.472.540
Chi phí khác bằng tiền	2.014.650.598	1.434.535.469
	15.584.620.127	13.216.238.214

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	538.605.653	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	3.000.000	-
Thu nhập khác	12.901.468	1.324.762
	554.507.121	1.324.762

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	69.676.377.772	87.848.997.711
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.535.381.820)	(2.458.877)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.530.000.000)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	2.458.877	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	(7.840.697)	(2.458.877)
Thu nhập chịu thuế TNDN	62.140.995.952	87.846.538.834
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.428.199.190	19.326.238.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.824.238.543	14.922.481.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(20.722.837.721)	(21.424.481.807)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.529.600.012	12.824.238.543

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.105.389.934	1.140.237.267
Chi phí nhân công	42.528.976.456	43.260.696.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.349.655.510	3.708.139.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.779.003.513.940	1.579.437.169.232
- Chi phí dịch vụ GTGT và chi phí bản quyền	2.767.478.108.725	1.564.693.438.996
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.525.405.215	14.743.730.236
Chi phí khác bằng tiền	6.547.419.626	5.946.103.383
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	2.836.534.955.466	1.633.492.346.290

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.088.754.142	-	288.163.740.092	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	238.219.871.868	-	216.829.317.211	-
Các khoản cho vay	202.371.000.000	-	173.063.616.667	-
Đầu tư dài hạn	650.000.000	-	650.000.000	-
Tổng tài sản tài chính	575.329.626.010	-	678.706.673.970	-
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ				
Phải trả người bán, phải trả khác			60.000.000.000	-
Chi phí phải trả			78.760.224.890	153.215.399.125
			15.476.227.939	25.155.814.837
Tổng nợ phải trả tài chính	-	-	154.236.452.829	178.371.213.962

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.088.754.142	-	-	134.088.754.142
Phải thu khách hàng, phải thu khác	236.600.242.064	1.619.629.804	-	238.219.871.868
Các khoản cho vay	202.371.000.000	-	-	202.371.000.000
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	573.059.996.206	2.269.629.804	-	575.329.626.010

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.163.740.092	-	-	288.163.740.092
Phải thu khách hàng, phải thu khác	215.209.687.407	1.619.629.804	-	216.829.317.211
Các khoản cho vay	173.063.616.667	-	-	173.063.616.667
Đầu tư dài hạn	-	650.000.000	-	650.000.000
	676.437.044.166	2.269.629.804	-	678.706.673.970

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	78.403.228.990	356.995.900	-	78.760.224.890
Chi phí phải trả	15.476.227.939	-	-	15.476.227.939
	153.879.456.929	356.995.900	-	154.236.452.829
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	152.661.799.745	553.599.380	-	153.215.399.125
Chi phí phải trả	25.155.814.837	-	-	25.155.814.837
	177.817.614.582	553.599.380	-	178.371.213.962

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức thấu chi ngân hàng	285.000.000.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(225.000.000.000)	-

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	7.673.458.199	6.890.270.716
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Công ty con	4.102.697.982	1.268.604.333
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	238.523.687	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.002.890.610	2.261.215.952
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	2.155.084.850	3.360.450.431
		174.261.070	-
		2.504.808.181.174	1.385.063.341.686
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	2.500.851.407.101	1.377.939.052.418
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Công ty con	2.043.913.693	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	-	401.910.112
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.912.860.380	6.722.379.156
		84.070.000.000	-
Góp vốn vào công ty			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	24.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	50.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Công ty con	8.670.000.000	-
		2.756.722.771	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định			
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	2.756.722.771	-
		7.530.000.000	-
Nhận cổ tức			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	4.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	2.550.000.000	-
		2.550.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	1.770.065.311	1.255.111.955
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Công ty con	1.280.320.463	118.644.297
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Công ty con	18.774.080	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	107.408.055	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	-	765.562.014
		363.562.713	370.905.644
		53.883.697	53.883.697
Phải thu khác ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Công ty con	53.883.697	53.883.697

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn	5.343.674.035	122.147.465.133
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	4.893.027.146	120.446.306.557
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	243.343.771	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	-	71.101.900
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	207.303.118	1.630.056.676
Chi phí phải trả	28.631.152	9.891.692.850
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	1.743.615	9.787.763.950
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	-	103.928.900
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	26.887.537	-
Phải trả khác ngắn hạn	-	876.578.216
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	-	876.578.216
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.526.751.088	2.955.260.983

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Lê Hiền
Người lập



Đặng Thị Hương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

